

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2019.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T – sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Th, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Th - sinh năm 1984, vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2018, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Kim T như sau: Bà kết hôn với ông Nguyễn Thành Th vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, ngày 20/5/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với gia đình ông Th, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do chồng bà không có công việc ổn định và thường hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà đã trả nợ và khuyên can rất nhiều lần nhưng ông Th không chịu sửa đổi, năm 2018 ông Th bỏ nợ và đưa đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn. Từ đó vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn

nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Th.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 02 đứa con chung với nhau tên Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 20/01/2009 và Nguyễn Kim Ng – sinh ngày 05/8/2012.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành Th.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Kim Ng – sinh ngày 05/8/2012 và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Bà thống nhất giao cháu Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 20/01/2009 cho ông Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Th đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Th không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Th và bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Kim Ng – sinh ngày 05/8/2012 và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Bà thống nhất giao cháu Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 20/01/2009 cho ông Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ kiện còn kéo dài. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Thành Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Th được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông Th không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành Th.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Thành Th kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55, ngày 20/5/2008, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ngày 05/12/2018 Tòa án làm việc với bà Ngô Bích Thùy là Trưởng khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao để xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông Th. Qua xác minh bà Ngô Bích Thùy thì được biết ông Th có hộ khẩu tại khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, hiện nay ông Th vẫn còn ở địa phương và làm công ty, sáng đi chiều tối mới về. Bà không biết về mâu thuẫn giữa bà T và ông Th nhưng bà thấy bà T đã dẫn đưa con gái bỏ địa phương hơn 01 năm, còn đưa con trai lớn hiện đang sống chung với ông Th.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà T và ông Th là hôn nhân tự nguyện nhưng trong thời gian sống chung ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống hơn 01 năm nay. Theo bà T trình bày do chồng bà không có công việc ổn định và không lo làm ăn, lại còn mê cờ bạc, bà nhiều lần trả nợ và khuyên can nhưng ông Th tính nết tật nấy, đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào đầu năm 2018 ông Th cờ bạc dẫn đến nợ nần rồi làm đơn ly hôn gửi Tòa án, sau đó thì rút đơn thấy vậy nên bà đã dẫn đưa con gái nhỏ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và từ đó vợ chồng bà sống sống ly thân với nhau cho đến nay, trong thời gian vợ chồng bà sống ly thân phía ông Th không chủ động hàn gắn gia đình còn thường gọi điện thoại chửi bà. Ngày 25/01/2019 và ngày 12/3/2019 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Th không có mặt tại Tòa án còn bà T thì cương quyết xin ly hôn với ông Th. Xét thấy vợ chồng bà T và ông Th đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm và ông bà không tự hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà trầm trọng, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, tại phiên tòa bà T tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Th vì vậy áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông Th có 02 người con chung tên Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 20/01/2009 và Nguyễn Kim Ng – sinh ngày 05/8/2012 hiện cháu Kim Ng đang sống chung với bà T, cháu Thành Đ đang sống chung với ông Th. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án không ghi nhận được ý kiến nào của ông Th về con chung tuy nhiên cháu Thành Đ có nguyện vọng xin được sống chung với ông Th, bà T xin được tiếp tục nuôi cháu Kim Ng và đồng ý giao cho ông Th tiếp tục nuôi cháu Thành Đ. Xét thấy yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Kim Ng – sinh ngày 05/8/2012 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 20/01/2009 cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T và ông Th

được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản ông bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thị Kim T phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001949, ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Thành Th được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Ng – sinh ngày 05/8/2012 cho bà Lê Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 20/01/2009 cho ông Nguyễn Thành Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà T và ông Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông bà được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản ông bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim T phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001949, ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang